



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0013591.25
MSM: VT.25.5824.NT02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY SÀI GÒN
Địa điểm lấy mẫu : Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 01/12/2025
Ngày trả kết quả : 26/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn thông số Nhà máy đang áp dụng	QCVN 12- MT: 2015/ BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT02		Cột A, Kq=1,0 và Kf=0,9	Cột A, Kq=1 và Kf=0,9
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	32,4	40	40	40
2	Độ màu ^(#)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	42	50	67,5	50
3	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,75	6 ÷ 9	6 ÷ 9	6 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	26	27	27	27
5	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	51	67,5	90	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	13	45	45	45
7	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09	-	0,09
8	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045	-	0,045
9	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 3500- Cr.B:2023	< 0,0030	0,045	-	0,045
10	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500- Cr.B:2023	< 0,003	0,18	-	0,18
11	Đồng (Cu) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	1,8	-	1,8
12	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,060	0,9	-	0,9
13	Tổng xyanua (CN ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	< 0,0015	0,063	-	0,063
14	Tổng phenol ^(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0020	0,09	-	0,09
15	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 0,9	4,5	-	4,5
16	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	0,18	-	0,18
17	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	0,84	4,5	-	4,5
18	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	4,94	18	-	18
19	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,13	3,6	-	3,6



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn thông số Nhà máy đang áp dụng	QCVN 12- MT: 2015/ BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT02		Cột A, Kq=1,0 và Kf=0,9	Cột A, Kq=1 và Kf=0,9
20	Clo dư ^(#)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	< 0,03	0,9	-	0,9
21	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6493: 2008	<1	-	6,75	-
22	Dioxin ⁽²⁾	pgTEQ/L	US EPA Method 1613B	5,13	-	13,5 ^a	-
23	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	9,2 x 10 ²	3.000	-	3.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- (1) Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - Phòng nghiên cứu và phát triển (R&D) (vilas 366 - vimcerts 079);
- (2) Thông số được phân tích bởi Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ cao – Trung tâm An toàn Thực phẩm và Môi trường, Vimcerts 229;
- NT02: Nước thải đầu ra của HTXL nước thải;
- QCVN 12-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- (a) Áp dụng từ ngày 01/01/2018;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 8069/11-25

Mã mẫu: 2511KT017 (004/11-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TM DV TRÁU VIỆT
Địa chỉ lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Hồ Chí Minh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 01/11/2025 Ngày trả kết quả: 08/11/2025
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : KT1 KT/ TV - TS 30 - 201601

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Kp = 0,8; Kv = 1,0 (Cột B)
1	Lưu lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	81.546	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SOP-HT.KT 06	85,4	-
3	Bụi tổng (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	57,4	160
4	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	76	400
5	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	29	680
6	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	517	800
7	O ₂ ^(a)	%	SOP-HT.KT 06	17,02	-
8	CO ₂ ^(a)	%	SOP-HT.KT 06	2,51	-
9	Cadimi (Cd) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA 29 US EPA 6010D	KPH MDL=0,016	4
10	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA 29 US EPA 7470A	KPH MDL=0,004	-

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 8070/11-25

Mã mẫu: 2511KT018 (004/11-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH TM DV TRÁU VIỆT
Địa chỉ lấy mẫu: KCN Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Hồ Chí Minh
Ngày lấy (nhận) mẫu: 01/11/2025 **Ngày trả kết quả**: 08/11/2025
Thời gian lưu mẫu: Không lưu
Loại mẫu: Khí thải
Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu: KT2 KT/ TV - TS 30 - 201602

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Kp = 0,9; Kv = 1,0 (Cột B)
1	Lưu lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	46.695	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SOP-HT.KT 06	76,4	-
3	Bụi tổng (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	52,6	180
4	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	102	450
5	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	34	765
6	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	678	900
7	O ₂ ^(a)	%	SOP-HT.KT 06	15,10	-
8	CO ₂ ^(a)	%	SOP-HT.KT 06	4,78	-
9	Cadimi (Cd) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA 29 US EPA 6010D	KPH MDL=0,016	4,5
10	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA 29 US EPA 7470A	KPH MDL=0,004	-

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT, GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO